| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 332/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2022
*V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bàng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Trình**

Ông **Trần Đức Hiếu**

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ:** Bà Trần Lê Phượng – Kiểm sát viên, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1973; Địa chỉ: 10 Lỗ Giáng 3, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Viết S, sinh năm 1974; Địa chỉ: 10 Lỗ Giáng 3, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2022, bản tự khai đề ngày 28/7/2022 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Trần Viết S xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường tại UBND xã Ng, thành phố TK, tỉnh Quảng Nam; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống chung với nhau tại TK và nhiều nơi khác, sau đó thuê nhà sống tại phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2016 thì vợ chồng bà mua đất làm nhà sống tại địa chỉ cư trú hiện nay tại phường X, quận C. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chồng đánh vợ, thường xuyên chơi cờ bạc, số đề, cá độ bóng đá về nhà gây gổ, xúc phạm vợ con. Vợ chồng không có tiếng nói chung, quan hệ vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Nay bà L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà L đã làm đơn ly hôn nhiều lần và rút đơn để tạo cơ hội cho

ông S thay đổi nhưng ông S vẫn không thể thay đổi. Hiện tại vợ chồng bà đã sống ly thân được 5 năm, phần ai nấy sống. Vì thế mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn không giải quyết được. Bà L xác định không còn tình cảm với ông S và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Viết S.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông S có 02 con chung là Trần Thu U, sinh ngày 21/11/2000 và Trần Nguyễn Bá T, sinh ngày 05/12/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Nguyễn Bá T, khi khởi kiện bà L yêu cầu ông Trần Viết S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu ông S cấp duỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con Trần Thu U đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****** *Tại bản tự khai ngày 28/7/2022 và tại phiên tòa* ***bị đơn ông Trần Viết S trình bày:*** Về thời điểm kết hôn, quan hệ hôn nhân và con chung như bà L đã trình bày là đúng. Riêng ông không có đánh vợ. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều L. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù bà L có nhắn tin hẹn hò với người khác nhưng ông đều bỏ qua tất cả và mong muốn đoàn tụ gia đình. Ông S cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, khả năng đoàn tụ và hàn gắn là có thể, ông xác định về tình cảm vẫn còn thương yêu bà Nguyễn Thị Kiều L. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng ông được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái.

Ông S xác định ông và bà L có 02 con chung là Trần Thu U, sinh ngày 21/11/2000 và Trần Nguyễn Bá T, S ngày 05/12/2009. Ông không đồng ý ly hôn nên ông không chia con. Nếu trường hợp Tòa giải quyết ly hôn thì ông sẽ là người nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con; còn con Trần Thu U đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt kiểm sát viên do bận công tác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều L khởi kiện bị đơn là ông Trần Viết S để yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Trần Viết S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, thành phố TK, tỉnh Quảng Nam vào ngày 29/01/1999 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, cùng nhau trải qua S sống ở nhiều nơi; nhưng những năm gần đây, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả nhau. Nguyên nhân theo bà L xác định là do ông S thường xuyên đánh vợ, chơi số đề, cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, không cùng với bà L đóng góp lo S hoạt gia đình; vợ chồng không có tiếng nói chung, phần ai nấy sống, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà L đã nhiều lần khuyên răn chồng, bà cũng đã nộp đơn yêu cầu ly hôn nhiều lần và rút đơn để tạo điều kiện cho ông S thay đổi, cải thiện để cùng chăm lo gia đình nhưng ông S vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi, cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình của bà L không đạt được kết quả, vợ chồng đã ly thân, phần ai nấy sống đã 5 năm; vợ chồng không thể hòa hợp, hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn kéo dài.

Xét yêu cầu đoàn tụ của ông Trần Viết S thì thấy: Ông S cho rằng còn yêu thương bà L và mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng chăm lo hạnh phúc nhưng bà L trước đây đã có yêu cầu ly hôn và nộp đơn 2 lần, sau đó rút đơn để tạo điều kiện cho ông S thay đổi tính tình, chăm lo làm ăn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy vậy, ông S không thay đổi, tình trạng quan hệ hôn nhân của ông và bà L không cải thiện được. Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết đến nay ông S không có biện pháp nào để níu kéo hạnh phúc, hàn gắn tình cảm với bà L, mỗi người sống một nơi, không ai có trách nhiệm với ai, cả ông S và bà L đều không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên tòa bà L vẫn kiên quyết và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, vì vậy HĐXX thấy không có cơ sở để xem xét yêu cầu đoàn tụ gia đình của ông S.

Qua xác minh tại tổ dân phố nơi vợ chồng ông Trần Viết S và bà Nguyễn Thị Kiều L sinh sống, thuộc tổ số 4, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ xác định ông Trần Viết S và bà Nguyễn Thị Kiều L có nhà và sống chung tại địa phương, nhưng bà L thường đi làm ăn xa ở Tam Kỳ, mỗi tuần về một lần. Quá trình chung sống tại địa phương ông S và bà L có mâu thuẫn với nhau, thường hay cãi vả, ông S cũng thường chơi số đề, không chăm lo gia đình. Bà L đã nộp đơn ly hôn những lần trước nhưng chưa giải quyết được.

Với những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông S đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thể tự hòa giải để hàn gắn tình cảm, không hòa hợp trong cách sống và ứng xử; không còn quan tâm thương yêu nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều L đối với ông Trần Viết S là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông S có với nhau 02 con chung là con chung là Trần Thu U, sinh ngày 21/11/2000 và Trần Nguyễn Bá T, sinh ngày 05/12/2009. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Trần Nguyễn Bá T; khi khởi kiện bà L yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà L thay đổi yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông S không đồng ý ly hôn nên ông không chia con. Nếu trường hợp Tòa giải quyết ly hôn thì ông sẽ là người nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Trần Thu U đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

HĐXX xét thấy: Đối với con Trần Thu U đã đủ 18 tuổi nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L và ông S có 02 con chung, đối với con gái lớn Trần Thu U đã đủ 18 tuổi, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Đối với con Trần Nguyễn Bá T, hiện nay đã 13 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông S cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông S thường xuyên đi làm và chơi số đề, ít quan tâm chăm sóc con cái, xúc phạm vợ con, quá trình chung sống ông không đưa tiền để bà L lo S hoạt cho gia đình, ăn học của các con; để đảm bảo không làm xáo trộn tâm lý và ảnh hưởng đến việc chăm sóc, học hành của cháu Tuân, HĐXX thấy cần giao cháu Trần Nguyễn Bá T cho bà Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Với thực tế hoàn cảnh gia đình của bà L và ông S thấy rằng: Ông S hiện làm công việc tự do, có thu nhập bấp bênh, không ổn định nên việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng của bà L để đảm bảo điều kiện nuôi con Trần Nguyễn Bá T là có phần cao so với mặt bằng chung. Xét tính phù hợp với mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định hiện nay, trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là của cả hai bên cha mẹ và nhu cầu sinh hoạt tối thiểu thấy cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L ở mức 2.000.000 đồng/tháng, buộc ông S phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Bá T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Trần Viết S đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông Trần Viết S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định.

[4] Đại diện Viện kiểm sát có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt kiểm sát viên theo quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều L đối với ông Trần Viết S về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn ông Trần Viết S (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, quyển số 01/1999, đăng ký ngày 29/01/1999 tại UBND xã Ng, thành phố TK, tỉnh Quảng Nam).

2. Về con chung: giao con tên Trần Nguyễn Bá T, sinh ngày 05/12/2009 cho bà Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Viết S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con Trần Nguyễn Bá T đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST là: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001966 ngày 23/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Nguyễn Thị Kiều L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Ông Trần Viết S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 05/9/2022.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường X, quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã Ký)

**Nguyễn Thị Bàng**